



DOI:10.22144/ctujs.2025.134

NÂNG CAO KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN KHOA LUẬT, ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Nguyễn Thị Anh^{1*}, Nguyễn Chí Hiếu² và Phạm Hữu Nhân³

¹Phòng Đào tạo, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

²Khoa Luật, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

³Phòng Công tác Chính trị, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): nguyennh@ctu.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 13/12/2024

Sửa bài (Revised): 06/01/2025

Duyệt đăng (Accepted): 08/04/2025

Title: Improving soft skills for law students, Can Tho University

Author(s): Nguyen Thi Anh^{1*}, Nguyen Chi Hieu² and Pham Huu Nhan³

Affiliation(s): ¹Department of Academic Affairs, Can Tho University, Viet Nam; ²School of Law, Can Tho University, Viet Nam; ³Department of Political Affairs, Can Tho University, Viet Nam

TÓM TẮT

Việc nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên là một trong những vấn đề quan trọng không những giúp sinh viên đạt hiệu quả trong học tập và rèn luyện mà còn trang bị những năng lực cần thiết cho môi trường làm việc trong tương lai. Tuy nhiên, một bộ phận sinh viên Đại học Cần Thơ nói chung, sinh viên Khoa Luật nói riêng vẫn chưa ý thức được tầm quan trọng này dẫn đến việc chưa chủ động quan tâm bồi dưỡng các kỹ năng mềm cần thiết. Phương pháp xử lý số liệu tổng hợp, thống kê, so sánh đã được sử dụng trong nghiên cứu để phân tích thông tin thu thập được từ dữ liệu kết quả học tập liên quan đến kỹ năng mềm của 867 sinh viên khoa Luật và thông tin từ kết quả khảo sát tỷ lệ việc làm sau khi tốt nghiệp của Khoa Luật và Trung tâm Quản lý chất lượng của 886 sinh viên. Trong bài nghiên cứu, một số giải pháp nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Khoa Luật đã được đề xuất, góp phần vào đào tạo sinh viên Luật chất lượng trong khu vực cũng như toàn quốc.

Từ khóa: Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, kỹ năng mềm, sinh viên ngành Luật, Đại học Cần Thơ

ABSTRACT

Improving soft skills for students is one of the important issues that not only helps students achieve efficiency in studying and practicing but also equips them with the necessary capacities for the future working environment. However, a part of Can Tho University students in general, students of the School of Law in particular, are still not aware of this importance, leading to a lack of proactive attention to cultivating the necessary soft skills. With the method of processing synthetic, statistical and comparative data from collecting information from learning outcomes data related to soft skills of 867 students of the School of Law, and information from the survey results of the School of Law and the Quality Management Center of the employment rate after graduation among 886 students; the article aims to propose some solutions to improve soft skills for students of the School of Law, contributing to the training quality of Law students in the region as well as nationwide.

Keywords: Can Tho University, Law student, learning outcomes, soft skills, training programs

1. GIỚI THIỆU

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1056/QĐ-TTg về việc phê duyệt "Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Luật giai đoạn 2023 - 2030". Theo đó, 80% (đến năm 2025), 100% (đến năm 2030) chương trình đào tạo (CTĐT) đạt tiêu chuẩn kiểm định giáo dục, trong đó tối thiểu 5% (đến năm 2025), 10% (đến năm 2023) CTĐT đạt tiêu chuẩn kiểm định giáo dục của tổ chức kiểm định nước ngoài có uy tín và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm là: Hoàn thiện thể chế, công cụ quản lý nhà nước để kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Luật; chú trọng công tác quản lý nhà nước về đào tạo cử nhân Luật, tăng cường kiểm soát, đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp; tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng CTĐT theo hướng hội nhập quốc tế; tăng cường tính thực tiễn trong đào tạo; thực hiện có hiệu quả việc tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về đào tạo và tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo cử nhân Luật với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

Đứng trước yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực ngành Luật trong thời điểm hiện tại, Khoa Luật, Đại học Cần Thơ có thể mạnh là đơn vị có thâm niên hơn 20 năm trong đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao trên các lĩnh vực pháp luật, thực hiện sứ mệnh truyền bá tri thức pháp lý gắn với thực tiễn nghề luật, thực hiện các hoạt động tư vấn, phân biện và cung cấp các dịch vụ pháp lý, đóng góp có hiệu quả vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng và quốc gia, từng bước hội nhập quốc tế. Khoa Luật có cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị dạy và học đầy đủ. Đội ngũ cán bộ Khoa năng động, nhiều kinh nghiệm, nhiệt huyết với nghề, với 100% giảng viên có trình độ sau đại học được đào tạo từ các cơ sở giáo dục uy tín của Việt Nam, Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Hà Lan. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu và rộng như hiện nay, yêu cầu về đào tạo được đặt ra là cần phải bảo đảm song song kiến thức và kỹ năng để đáp ứng được sự cạnh tranh gay gắt của thị trường lao động. Tuy nhiên, riêng đối với sinh viên ngành Luật sau khi đào tạo cử nhân vẫn chưa thực sự hội nhập theo hướng tiếp cận nguồn nhân lực do một số nguyên nhân trong đó có thể liệt kê như: CTĐT chưa gắn liền với thực tiễn ứng dụng, nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể trong liên kết bảo đảm đầu ra cho sinh viên hoặc chưa xác định cụ thể phải đào tạo kỹ năng cần thiết nào cho sinh viên...(Phan & Nguyen, 2022) Bên cạnh đó, một nguyên nhân khác từ chính bản thân của sinh viên

trong việc xác định những kiến thức, kỹ năng cần trau dồi. Đặc thù đối với sinh viên ngành Luật đòi hỏi nhiều kỹ năng, trong đó các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, nói chuyện trước công chúng; kỹ năng hùng biện, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tự học, tự đánh giá; kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, năng lực số trong sinh viên,...các kỹ năng này đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng các tiêu chí của người sử dụng lao động trong và ngoài nước.

Trong nghiên cứu (Vu, 2023) Nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội của tác giả Vũ Thị Thu Hương, 450 sinh viên đã được khảo sát, kết quả cho thấy sinh viên đánh giá mức độ cần thiết của kỹ năng mềm trong học tập, tùy vào kỹ năng mà đánh giá mức độ khác nhau. Thấp nhất là kỹ năng đàm phán chiếm tỷ lệ 15,55%, cao nhất là kỹ năng lắng nghe chiếm 76,67%. Điều này cho thấy sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm.

Tính đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có công trình nghiên cứu được thực hiện nhằm tìm hiểu về thực trạng, giải pháp và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên khoa Luật. Trong bối cảnh tất cả các CTĐT phải được kiểm định chất lượng đạt chuẩn đầu ra theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 Ban hành Quy chế Đào tạo trình độ đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong nghiên cứu này, việc đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm của sinh viên Luật trong CTĐT được bám sát thực hiện, đồng thời giải pháp nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên khoa Luật Đại học Cần Thơ đã được đưa ra trong bài báo.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được xác định trong nghiên cứu này là nâng cao kỹ năng mềm của sinh viên khoa Luật, Đại học Cần Thơ.

2.1.2. Phạm vi nghiên cứu

Nhóm tác giả đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm của 867 sinh viên áp dụng từ khóa 47 đến khóa 49 trong thiết kế CTĐT của Ngành Luật, đây là các khóa học chưa tốt nghiệp tính tới thời điểm hiện tại, bao gồm: Luật hành chính, Luật thương mại và Luật tư pháp, áp dụng từ khóa 47 đến khóa 49, Luật Kinh tế áp dụng từ khóa 49: <https://www.ctu.edu.vn/dao-tao/ctdt-dai-hoc.html>, cụ thể có các chuẩn đầu ra như sau:

a. Giao tiếp và truyền đạt được vấn đề; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ hoặc hoạt động chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp; ứng dụng kỹ năng quản lý, hợp tác, giải quyết vấn đề, đàm phán và dẫn dắt trong tiến trình làm việc/ làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

b. Nắm vững các thuật ngữ/ vận dụng tốt kỹ năng ngoại ngữ/ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

c. Ứng dụng các kỹ năng sử dụng máy tính/ thành thạo các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác văn phòng và khai thác cơ sở dữ liệu Luật, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn/ thích ứng được với sự thay đổi của chính sách, quy định của pháp luật nhờ kỹ năng tự cập nhật kiến thức pháp luật/ thực hiện thuần thục kỹ năng soạn thảo các loại văn bản.

d. Hình thành kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và có thể cho người khác.

2.1.3. Phương pháp nghiên cứu

– Phương pháp nghiên cứu thu thập thông tin: Thông tin từ dữ liệu kết quả học tập các học phần liên quan đến chuẩn đầu ra kỹ năng mềm của 867 sinh viên khoa Luật được thu thập từ Phòng Đào tạo. Thông tin từ kết quả khảo sát tỷ lệ việc làm sau khi tốt nghiệp của Khoa Luật và của Trung tâm Quản lý chất lượng Đại học Cần Thơ với 886 sinh viên tham gia khảo sát.

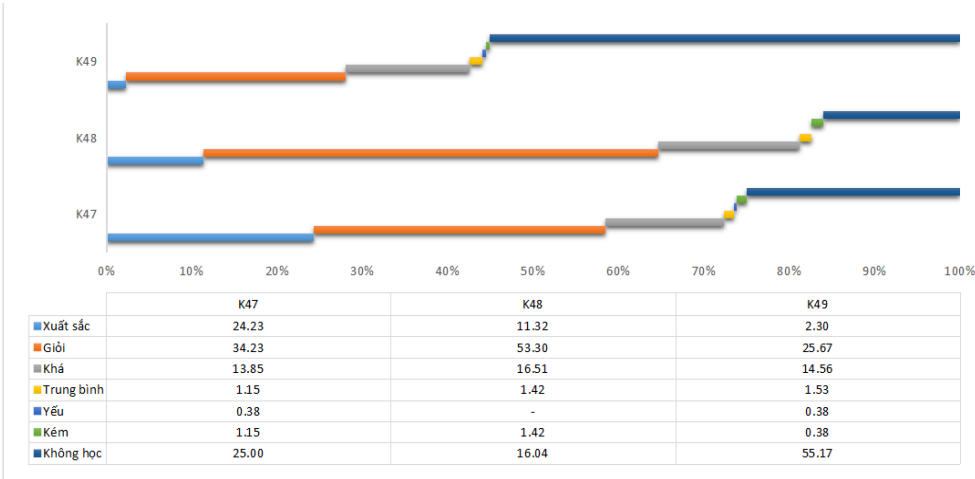
– Phương pháp xử lý số liệu: tổng hợp và xử lý số liệu, sử dụng phần mềm excel, thống kê, so sánh.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Khoa Luật Đại học Cần Thơ

3.1.1. Đối với chuẩn đầu ra

a. Giao tiếp và truyền đạt được vấn đề; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ hoặc hoạt động chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp; ứng dụng kỹ năng quản lý, hợp tác, giải quyết vấn đề, đàm phán, và dẫn dắt trong tiến trình làm việc/ làm việc nhóm, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.



Hình 1. Kết quả học tập học phần kỹ năng mềm của sinh viên ngành Luật

Trong thiết kế CTĐT, hầu hết tất cả các học phần đều có chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm, tuy nhiên học phần trang bị cho sinh viên nhiều kỹ năng nhất là học phần Kỹ năng mềm, mã học phần KN001, đây cũng là nhóm học phần được sinh viên quan tâm và lựa chọn nhiều, tuy nhiên mức độ quan tâm giữa các khóa học không đồng đều. Theo số liệu từ dữ liệu quản lý của Phòng Đào tạo (năm 2024) cho thấy, số lượng sinh viên khoa Luật chọn học phần Kỹ năng mềm khá cao và đạt kết quả tốt. Kết quả được thể hiện ở biểu đồ cho thấy, sinh viên khóa 47 thích lựa

chọn môn học này, tỷ lệ đạt từ giỏi đến xuất sắc chiếm 58,46%, tuy nhiên vẫn có tình trạng học trung bình, yếu, kém chiếm 2,69% và số sinh viên không lựa chọn học phần này chiếm 25%. Đối với sinh viên khóa 48 tỷ lệ đạt từ giỏi đến xuất sắc cao hơn khóa 47, chiếm 64,62%, sinh viên trung bình, yếu, kém chiếm 2,83% và số sinh viên không lựa chọn học phần này chiếm 16,4%. Đặc biệt, học phần này được thiết kế học cho sinh viên năm thứ nhất, tuy nhiên khóa 49 có tới 55,17% sinh viên không lựa chọn học tính đến thời điểm hiện tại và tỷ lệ đạt từ giỏi đến

xuất sắc chỉ chiếm 27,97%, vẫn còn tình trạng học trung bình, yếu, kém mặc dù môn học này theo đánh giá chung của sinh viên là không khó, kiến thức gần gũi, thực tiễn.

Nguyên nhân của tình trạng trên do học phần này là học phần tự chọn, sinh viên sẽ chọn theo số đồng hoặc chọn theo mức độ khó, dễ của học phần này so với học phần khác, đây là quyền lựa chọn của sinh viên khi học theo tín chỉ. Tuy nhiên, việc thiết kế xây dựng chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm trong CTĐT chưa đồng đều giữa các học phần trong nhóm học phần tự chọn dẫn đến việc đánh giá kỹ năng mềm của từng sinh viên có sự khác nhau. Ví dụ, CTĐT Luật hành chính áp dụng cho sinh viên khóa 49: https://www.ctu.edu.vn/ctdt/k49/mota/MT_16_7380101_Luat_HanhChinh.pdf, nhóm học phần tự chọn trong nhóm Khối kiến thức giáo dục đại cương có số tín chỉ phải học là 6 tương đương với việc sẽ lựa chọn 3 học phần để học, trong đó có các học phần

Kỹ năng mềm, mã học phần KN001E, học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp mã học phần KN002E, học phần Học thuyết pháp lý, mã học phần KL233E được thiết kế lần lượt đạt 3/4, 2/4 và 1/4 chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm. Trong khi đó các học phần Logic học đại cương, mã học phần ML007, Xã hội học đại cương, mã học phần XH028 và học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam mã học phần XH011 không có chuẩn đầu ra nào về kỹ năng mềm. Nếu sinh viên chọn học cả 3 học phần này để học thì điều này có nghĩa là sinh viên không có chuẩn đầu ra nào về kỹ năng mềm so với nhóm còn lại. Điều này cho thấy, sinh viên chọn học phần khác nhau sẽ có sự không tương đồng về chuẩn đầu ra kỹ năng mềm, mặc dù các học phần này đều trong 1 nhóm tự chọn. Như vậy, sinh viên muốn được trang bị kỹ năng mềm thì cần phải đọc kỹ ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT để thấy rõ được học phần nào sẽ trang bị kỹ năng mềm và có sự sắp xếp kế hoạch học tập phù hợp.

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)												Thái độ/Năng lực tự chủ và trách nhiệm (3.3)								
			Kiến thức (3.1)						Kỹ năng (3.2)														
			Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)			Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)						Kỹ năng mềm (3.2.2)					
TT	MSHP	Tên học phần	a	b	c		a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	a	b	c	d	
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																							
27	XH028	Xã hội học đại cương			x																x	x	
28	KN001E	Kỹ năng mềm			x													x	x	x		x	x
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam			x																		
30	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp			x														x	x		x	x
31	KL233E	Học thuyết pháp lý			x										x				x			x	x

Hình 2. Trích biểu bảng Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Luật hành chính áp dụng cho khóa 49

Thực tế yêu cầu vị trí việc làm cho thấy, sinh viên Luật tốt nghiệp chỉ được trang bị các kỹ năng mềm trên thì chưa đủ để đáp ứng cho yêu cầu công việc, các kỹ năng cần có thêm như kỹ năng như nói chuyện trước công chúng; kỹ năng hùng biện, tranh luận; kỹ năng thuyết trình,...ngoài ra, tùy vào công việc cụ thể mà sinh viên định hướng muốn làm sau khi tốt nghiệp đòi hỏi cần phải có thêm những kỹ năng mềm gì, ví dụ như kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng tư duy, phân tích và xử lý tình huống,...

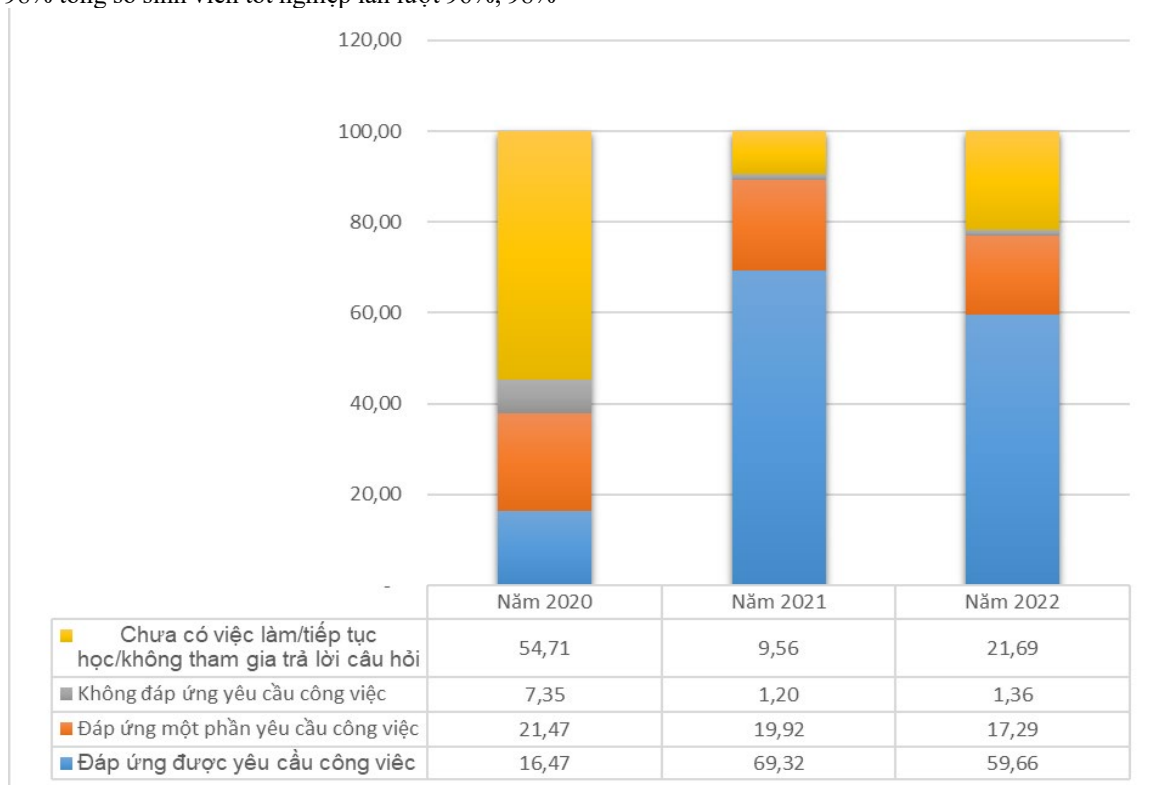
Bên cạnh việc được trang bị kiến thức, kỹ năng trong học phần kỹ năng mềm, để tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội rèn luyện, phát triển kỹ năng, vận

dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn, Khoa Luật đã thành lập các Trung tâm, Câu lạc bộ liên quan đến nghề nghiệp như: Trung tâm thực hành nghề luật, Trung tâm Luật So sánh, Phiên tòa giả định, Câu lạc bộ kỹ năng tư pháp (Bộ môn Luật Tư pháp, Câu lạc bộ tiếng Anh pháp lý (Bộ môn Luật Kinh tế), Câu lạc bộ Định hướng nghề Luật (Bộ môn Luật Hành chính), thực hành Phiên tòa giả định, lưu diễn tại các nơi và mời các Luật sư, thẩm phán,... làm việc tại các Tòa án đến tham dự để góp ý và hướng dẫn điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn, câu lạc bộ đã thu hút sinh viên tham gia. Tuy nhiên, do tính chất tự nguyện nên khó thu hút được đông đảo sinh viên, đặc biệt là những sinh viên có kỹ năng giao tiếp chưa tốt, phát âm chưa tròn vành, rõ chữ,

sử dụng vốn từ ngữ địa phương khi giao tiếp, diễn đạt câu chưa đúng ngữ pháp, sử dụng từ ngữ chưa chính xác, mà chỉ thu hút được sinh viên vốn đã có nhiều kỹ năng như kỹ năng tranh luận, hùng biện, giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình,... còn sinh viên thiếu những kỹ năng mềm lại không tham gia.

Do đó, để đánh giá được việc sinh viên được trang bị kỹ năng mềm trong CTĐT có đáp ứng được yêu cầu công việc hay không, Đại học Cần Thơ và khoa Luật đã thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên hàng năm để thu thập ý kiến và xây dựng, điều chỉnh CTĐT đáp ứng được ngày càng hiệu quả hơn nhu cầu của xã hội. Số liệu xử lý từ kết quả khảo sát trên cho thấy, sinh viên đã tốt nghiệp các năm 2021, 2021, 2022, có lần lượt 93%, 96%, 98% tổng số sinh viên tốt nghiệp lần lượt 96%, 98%

tổng số sinh viên tốt nghiệp lần lượt tham gia khảo sát. Đa số sinh viên cho rằng kỹ năng mềm trong CTĐT đáp ứng được yêu cầu công việc, mặc dù năm 2020 chỉ có 16,47%, nhưng năm 2021 có 69,32% và năm 2022 có 59,66%. Còn lại, sinh viên cho rằng chỉ đáp ứng một phần yêu cầu công việc hoặc không đáp ứng yêu cầu công việc và do sinh viên tiếp tục học nâng cao trình độ hoặc chưa có việc làm nên chưa đánh giá được. Như vậy có thể thấy, tỷ lệ này còn khá cao, cần có giải pháp để sinh viên có thể tự đo và đánh giá được kỹ năng mềm của bản thân bám sát với nhu cầu thực tiễn, đồng thời Khoa Luật cũng có thể đo được chuẩn đầu ra nói chung và chuẩn đầu ra của kỹ năng mềm nói riêng trong CTĐT theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ mà không cần phải thông qua khảo sát và chờ đợi sự tự giác trả lời của sinh viên.



Hình 3. Mức độ đáp ứng được yêu cầu công việc khi học kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo

3.1.2. Đối với chuẩn đầu ra

b. Nắm vững các thuật ngữ/ vận dụng tốt kỹ năng ngoại ngữ/ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật.

Thực trạng hiện nay, phần lớn sinh viên tại Khoa Luật tiếp cận việc học ngoại ngữ theo hướng hình thức, đối phó do tâm lý vẫn xem đây chỉ là điều kiện

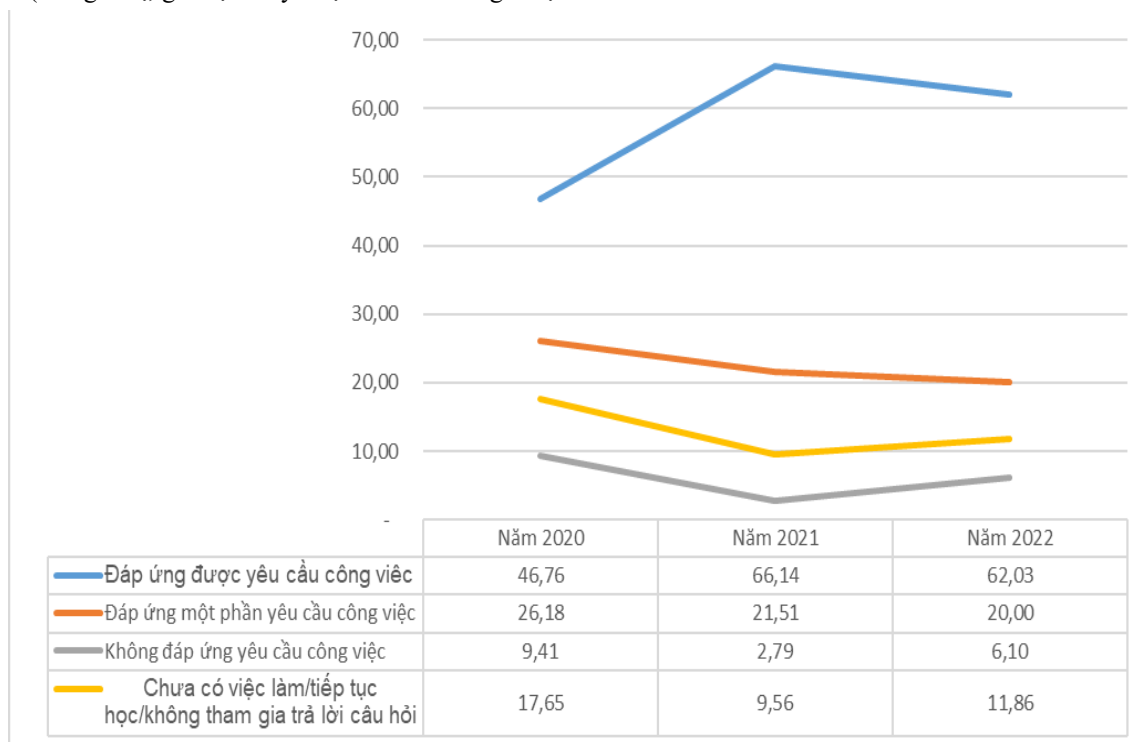
để ra trường mà chưa nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ đối với học tập, nghiên cứu và làm việc. Hiện nay, Khoa Luật đã có một số giải pháp như: bổ sung môn Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Anh và Thuật ngữ pháp lý - Tiếng Pháp vào trong chương trình đào tạo, thành lập Câu lạc bộ tiếng Anh pháp lý (Bộ môn Luật Kinh tế chủ trì), cũng như mời các chuyên gia nước ngoài tham dự, trao đổi tại các Hội thảo, Hội nghị của Khoa,...Tuy nhiên, do bị giới

hạn của thời gian đào tạo cũng như sinh hoạt nên sinh viên ít khi được tiếp xúc và luyện tập về ngoại ngữ một cách thường xuyên.

Ngoại ngữ là một trong những học phần điều kiện, sinh viên phải hoàn thành các học phần này hoặc có trình độ tương đương được Trường xem xét miễn, vì vậy tất cả sinh viên tốt nghiệp đều có trình độ ngoại ngữ. Kết quả xử lý số liệu từ khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp của khoa Luật và của Đại học Cần Thơ các năm 2020, 2021, 2022, tỷ lệ sinh viên cho rằng kỹ năng sử dụng ngoại ngữ đáp ứng được yêu cầu công việc chiếm tỷ lệ lần lượt là 46,76%, 66,14% và 62,03%. Còn lại cho rằng chỉ đáp ứng một phần công việc hoặc không đáp ứng được yêu cầu công việc hoặc tỷ lệ nhỏ chưa có việc làm hoặc tiếp tục học hoặc không tham gia trả lời câu hỏi.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do theo khảo sát thị trường lao động thì đa số các nhà tuyển dụng yêu cầu sinh viên phải có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (còn giá trị, giá trị ở đây được hiểu là còn giá trị

sử dụng hoặc đa số là 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến khi nộp hồ sơ) thuộc một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga,... hoặc tương đương bậc 2 hoặc 3 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kỹ năng này đòi hỏi sinh viên vừa phải có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ liên tục và cần phải thi để có chứng chỉ phù hợp với thời gian quy định của nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, Quyết định phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016, yêu cầu chuẩn đầu ra về kỹ năng phải có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Tuy nhiên, chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm lại không quy định rõ, nên sinh viên khó đo lường được năng lực ngoại ngữ phải đạt được để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, khả năng tự học và mức độ tự chủ và trách nhiệm của sinh viên cũng rất quan trọng, nếu không chịu khó học tập, rèn luyện thường xuyên thì sẽ rất dễ quên.



Hình 4. Mức độ đáp ứng được yêu cầu công việc khi được trang bị Kỹ năng ngoại ngữ trong chương trình đào tạo

3.1.3. Đối với chuẩn đầu ra

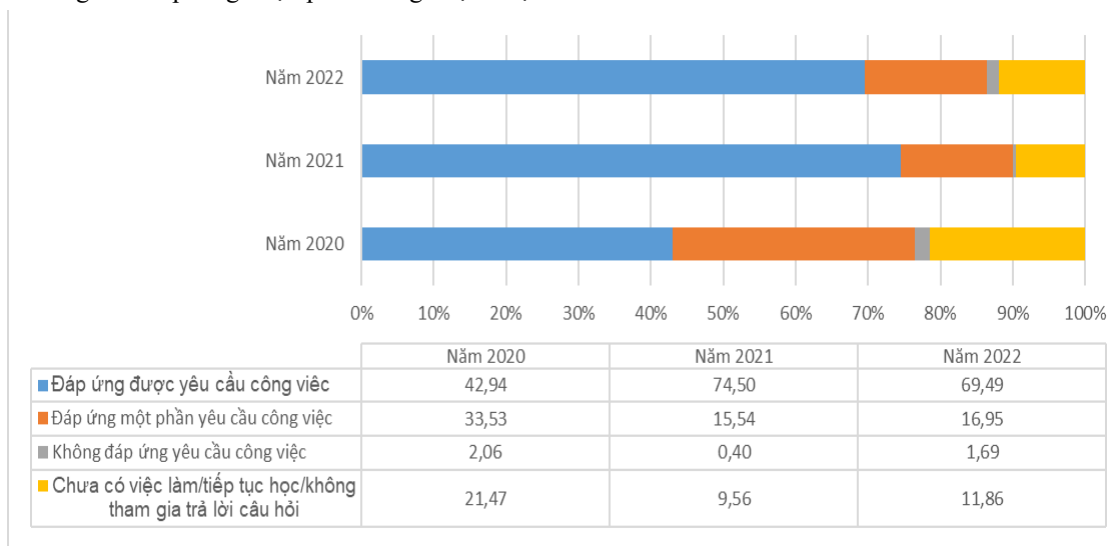
c. Ứng dụng các kỹ năng sử dụng máy tính/ thành thạo các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác văn phòng và khai thác cơ sở dữ

liệu Luật, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn/ Thích ứng được với sự thay đổi của chính sách, quy định của pháp luật nhờ kỹ năng tự cập nhật kiến thức pháp

luật/thực hiện thuần thục kỹ năng soạn thảo các loại văn bản.

Ngày nay, việc chuyển đổi số đang diễn ra ra trên toàn thế giới, tại Việt Nam tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra rất mạnh mẽ, sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong lĩnh vực giáo dục, việc chuyển đổi số đang được quan tâm mạnh và dần chuyển đến đồng bộ, vì vậy việc sinh viên khoa Luật hoàn thành CTĐT phải đáp ứng được yêu cầu công việc về khả năng sử dụng công nghệ thông tin. Số liệu được xử lý từ kết quả khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp của khoa Luật và của Đại học Cần Thơ các năm 2020, 2021, 2022, tỷ lệ sinh viên cho rằng kỹ năng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc chiếm tỷ lệ lần lượt là 42,94%, 74,50% và 69,49%. Số sinh viên còn lại cho rằng chỉ đáp ứng một phần công việc hoặc

không đáp ứng được yêu cầu công việc hoặc tỷ lệ nhỏ chưa có việc làm hoặc tiếp tục học hoặc không tham gia trả lời câu hỏi. Tỷ lệ đáp ứng được yêu cầu công việc chưa cao trong thời đại bùng nổ về công nghệ thông tin, nguyên nhân là so sinh viên không có nhiều cơ hội để thực hành, rèn luyện nhóm kỹ năng này thường xuyên. Theo khảo sát thị trường lao động, một số nhà tuyển dụng yêu cầu các ứng viên ứng tuyển cần có chứng chỉ công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 21 tháng 6 năm 2016. Vì vậy, ngoài việc đáp ứng được yêu cầu về thực tiễn, sinh viên còn cần đáp ứng về giấy tờ, thủ tục hành chính là phải có chứng chỉ.



Hình 5. Mức độ đáp ứng được yêu cầu công việc khi được trang bị Kỹ năng Công nghệ thông tin trong chương trình đào tạo

Báo cáo của Tổ chức Lao động quốc tế cho thấy, Việt Nam là nước bị ảnh hưởng nhất trong khối ASEAN về lao động việc làm do chuyển đổi số với 70% người lao động ở các ngành nghề cơ bản bị ảnh hưởng (Chan & Huynh, 2016). Bối cảnh đặt ra cho giáo dục đại học Việt Nam một thách thức lớn trong việc đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng thích ứng và làm chủ công nghệ trong tiến trình chuyển đổi số của nền kinh tế. Hiện nay, việc chuyển đổi số đang là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu tại các cơ sở giáo dục đại học và Khoa Luật, Đại học Cần Thơ cũng không ngoại lệ. Các sản phẩm của quá trình số hóa không chỉ đáp ứng xu thế chuyển đổi số hiện tại (Quyết định số 749/QĐ-TT ngày 3 tháng 6 năm 2020 của Thủ

tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”) mà còn là nguồn tài liệu cung cấp minh chứng phục vụ cho quá trình kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, việc chuyển đổi số hiện nay đang chỉ dừng lại ở việc xây dựng khung chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục đại học theo Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số của cơ sở giáo dục đại học, mà chưa có văn bản về xây dựng khung năng lực số cụ thể cho sinh viên, trong khi sinh viên là những người đang tiếp cận thường xuyên với các lĩnh vực được số hóa. Việc xây dựng khung năng lực số cho sinh viên không chỉ là xây dựng nên bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn về để sinh viên phấn đấu, rèn

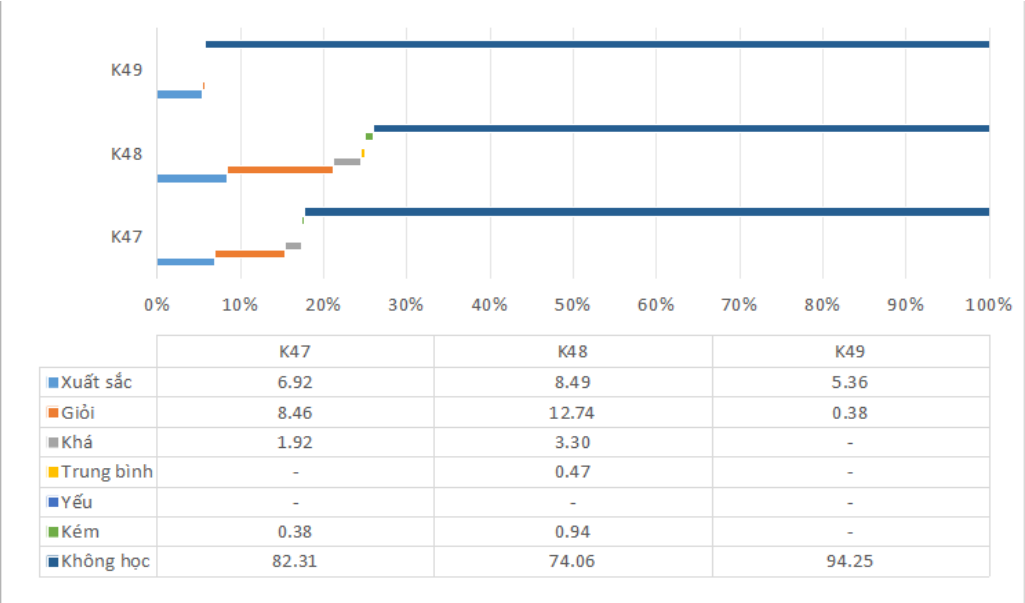
luyện để đạt được mà còn là một trong những minh chứng cho khả năng của sinh viên đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng lao động trong tương lai.

3.1.4. Đối với chuẩn đầu ra

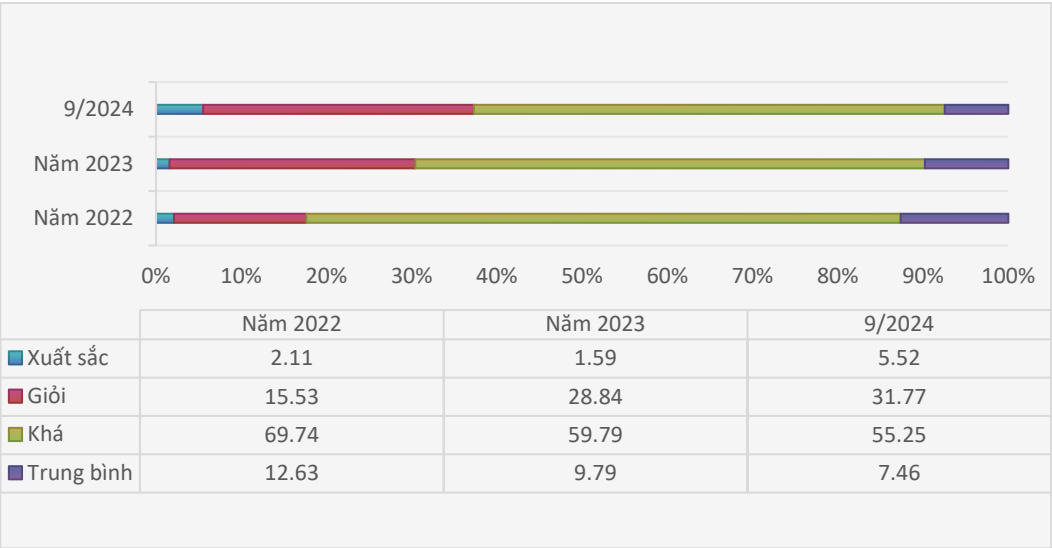
d. Hình thành kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và có thể cho người khác.

Đối với sinh viên ngành Luật mới tốt nghiệp, việc khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình ở đây được hiểu chủ yếu là tự tìm kiếm việc làm và tích lũy những điều kiện, chứng chỉ cần thiết để khởi nghiệp, mở văn phòng công chứng, văn phòng Luật sư để tự tạo việc làm cho mình và có thể cho người khác.

Trường đã thiết kế trong CTĐT học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp mã học phần KN002 để đáp ứng chuẩn đầu ra này, tuy nhiên tỷ lệ sinh viên khoa Luật các khóa 47, 48, 49 không chọn học phần này chiếm tỷ lệ lần lượt là 82,31%, 74,06% và 94,25%, tỷ lệ này rất cao (kết quả xử lý từ dữ liệu quản lý của Phòng Đào tạo năm 2024). Đa số sinh viên chọn học phần này đều có kết quả đạt từ giỏi đến xuất sắc, tỷ lệ khá và kém chiếm con số rất nhỏ. Nguyên nhân của tình trạng trên là do, đây là nhóm học phần tự chọn, sinh viên lựa chọn học theo sở thích và do nhu cầu hoặc sự hiểu biết, tầm quan trọng của học phần đối với cá nhân sinh viên.



Hình 6. Kết quả học tập học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của sinh viên ngành Luật



Hình 7. Xếp loại tốt nghiệp của sinh viên ngành Luật, Đại học Cần Thơ

Bên cạnh đó, những sinh viên nào chọn học học phần Kỹ năng mềm cũng được trang bị kỹ năng tìm việc, giúp sinh viên biết cách viết hồ sơ ứng tuyển cũng như chuẩn bị những hành trang cần thiết mà nhà tuyển dụng cần. Tuy nhiên, học phần này được thiết kế dành cho sinh viên năm nhất, vì vậy, về lâu dài nếu không có sự rèn luyện hoặc lập kế hoạch dài hạn sinh viên sẽ bị quên về kiến thức.

Nhìn chung, trong những năm gần đây, chất lượng đầu vào ngành Luật ngày càng cao tạo tiền đề cho việc sinh viên có khả năng tiếp thu kiến thức tốt hơn trong học tập. Kết quả xử lý từ dữ liệu quản lý của Phòng Đào tạo năm 2024 cho thấy, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại xuất sắc tăng 3,93% từ 1,59% năm 2023 tăng lên 5,52% tính đến tháng 9 năm 2024. Loại giỏi tăng đều qua các năm, tăng 13,31% từ 15,53% năm 2022 lên 28,84% năm 2023 và tăng 16,24% năm 2024. Bên cạnh đó, tỷ lệ sinh viên đạt loại khá giảm 9,95% từ 69,74% năm 2022 xuống còn 59,79% năm 2023 và giảm 4,54% năm 2024. Sinh viên xếp loại trung bình giảm 2,84% từ 12,63% năm 2022 còn 9,79% năm 2023 và giảm 2,33% năm 2024. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên khá và trung bình mặc dù giảm nhưng vẫn còn rất cao 82,37% năm 2022 giảm còn 69,58% năm 2023 và 62,71% năm 2024.

3.2. Một số giải pháp nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Khoa Luật Đại học Cần Thơ

Trước những thực trạng trên, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp, không chỉ giúp sinh viên trau dồi những kỹ năng mềm cần thiết trong quá trình học tập, mà đây còn là hành trang quan trọng để các cử nhân Luật đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động:

3.2.1. Đối với chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm a

Để khắc phục được những hạn chế trên, khoa Luật nên xác định cân đối các nhóm học phần có cùng chuẩn đầu ra về kỹ năng cùng chung một nhóm tự chọn, hoặc điều chỉnh phương pháp giảng dạy học phần để đáp ứng được chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm tương ứng; việc xác định tổng chuẩn đầu ra tối thiểu về kỹ năng mềm người học cần đạt được trong CTĐT. Bên cạnh đó, chuẩn đầu ra này phải có sự tương đồng giữa các CTĐT. Điều này sẽ giúp cho cả người học lẫn người quản lý đo được chuẩn đầu ra mà người học đạt được.

Một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định không nhỏ đến việc sinh viên đạt được bao nhiêu tiêu chí về chuẩn đầu ra kỹ năng mềm đó là bản thân người học phải chủ động hơn nữa trong việc tìm hiểu, rèn

luyện và phát triển kỹ năng mềm cho bản thân phục vụ nghề nghiệp. Thực tiễn luôn luôn vận động và phát triển, kiến thức, kỹ năng không chỉ gói gọn trong những gì mình được học mà cần phải ứng biến linh hoạt:

Kỹ năng giao tiếp, nói chuyện trước công chúng.

Trường Đại học là một trong những môi trường lý tưởng để sinh viên rèn luyện các kỹ năng, để nâng cao kỹ năng giao tiếp cũng như nói chuyện trước công chúng, ngoài cần tính chủ động tích cực của sinh viên, còn cần sự hỗ trợ từ phía giảng viên thông qua việc tổ chức lớp học theo các phương pháp ưu tiên các kỹ năng: thuyết trình, báo cáo, nêu câu hỏi tích cực và phản biện, đóng vai xử lý tình huống, đóng tiểu phẩm... Điều này khuyến khích sinh viên có phương pháp học tập hiệu quả, sáng tạo, hướng dẫn sinh viên tích cực tham gia công việc nhóm và làm việc nhóm cũng như chủ động nêu ý kiến cá nhân qua những tiết học trên lớp và giờ thảo luận. Sự chỉ bảo, hướng dẫn nhiệt tình của các giảng viên sẽ giúp các bạn sinh viên thích thú hơn trong mỗi môn học và có ý thức hơn trong việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp (Ngo, 2014). Bên cạnh đó, đơn vị còn cần tăng cường liên kết, tìm kiếm, vận dụng các nguồn kinh phí xã hội hóa để mời chuyên gia tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nói chuyện trước công chúng cho sinh viên. Đặc biệt chú ý tập huấn nội dung liên quan đến kỹ năng giao tiếp mặt đối mặt (Face-to-face communication) và các kỹ năng quan trọng khác như: lắng nghe, quan sát, diễn đạt, giao tiếp phi ngôn ngữ... Thông qua việc đánh giá về sự chuyên cần và tính hiệu quả trong việc học tập của sinh viên, Khoa Luật cấp giấy chứng nhận hoàn thành lớp tập huấn. Sau đó các lớp tập huấn nâng cao, tập huấn chuyên sâu cho những sinh viên có nhu cầu cần được tổ chức. Song song đó, cố vấn học tập và ban chấp hành Chi đoàn các lớp cần thường xuyên nhắc nhở sinh viên, đoàn viên về văn hóa giao tiếp trên môi trường mạng, giao tiếp bằng văn bản qua thư điện tử... Ngoài ra, sinh viên còn có thể tham gia các câu lạc bộ, đội nhóm đến từ các tổ chức Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên trường để học hỏi và trau dồi kỹ năng giao tiếp thông qua các hoạt động bổ ích và hướng đến cộng đồng. Bên cạnh việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp chung, một số sinh viên có thể cần tham gia các hoạt động rèn luyện cách phát âm và giao tiếp chuẩn mực, khắc phục thói quen phát âm hoặc giao tiếp kiểu địa phương, rèn luyện cách diễn đạt câu, hiểu nghĩa của từ để sử dụng từ ngữ chính xác. Điều này giúp nâng cao cơ hội thành công trong việc làm cho sinh viên khi ra trường.

Kỹ năng hùng biện, tranh luận, thuyết trình. Để rèn luyện các kỹ năng này, về phía sinh viên tại Khoa Luật cần chủ động tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn được tổ chức tại đơn vị như: Trung tâm thực hành nghề luật, Trung tâm Luật So sánh, Phiên tòa giả định, Câu lạc bộ kỹ năng tư pháp (Bộ môn Luật Tư pháp, Câu lạc bộ tiếng Anh pháp lý (Bộ môn Luật Kinh tế), Câu lạc bộ Định hướng nghề Luật (Bộ môn Luật Hành chính). Bên cạnh đó, về phía đơn vị nên có những chính sách khuyến khích sinh viên tham gia như: cộng điểm rèn luyện, ưu tiên đưa hình ảnh, nêu gương trên các nền tảng mạng xã hội của Khoa... Lực lượng nòng cốt cần được thành lập để có kế hoạch sinh hoạt khoa học, vừa thu hút được nhóm sinh viên yếu về kỹ năng cùng tham gia, đồng thời kèm cặp, đồng hành cùng các bạn để cùng nhau tiến bộ. Song song đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên nên tạo điều kiện nhiều hơn để sinh viên phát huy khả năng vận dụng các kỹ năng này thông qua việc đặt vấn đề/tình huống để trao đổi ngắn, ưu tiên gọi những bạn còn rụt rè, chưa chủ động hoặc gọi bất kỳ thành viên nào trong nhóm thuyết trình bài báo cáo trong các buổi báo cáo tham gia phản biện.

Ngoài ra, cần thường xuyên tổ chức các buổi Workshop online giữa chuyên gia, giảng viên, cựu sinh viên và sinh viên ít nhất 3 tháng/lần để tăng cường tính hiệu quả của việc rèn luyện các kỹ năng nêu trên. Đồng thời, cuộc thi hùng biện dành riêng cho sinh viên Khoa Luật, Đại học Cần Thơ với tên gọi “Bản lĩnh sinh viên Khoa Luật” cần được tổ chức, một mặt để nâng cao các kỹ năng hùng biện, tranh luận, thuyết trình cho sinh viên luật, mặt khác lựa chọn nhân tài cho các cuộc thi trong và ngoài Trường. Đặc biệt, để làm tốt cuộc thi này, việc truyền thông cần được tăng cường mạnh mẽ, nhất là ở đầu năm học cho tân sinh viên nắm về thông tin hoạt động để các sinh viên có cơ hội rèn luyện các kỹ năng này.

Kỹ năng làm việc nhóm. Để có một nhóm làm việc hiệu quả, sinh viên cần hiểu năng lực của mỗi thành viên để phân công nhiệm vụ cho phù hợp và đồng đều; khi giao việc cho các nhóm, giảng viên cần yêu cầu nhóm trình bày bản thuyết minh về phân công nhiệm vụ giữa các thành viên. Điều này có thể được thực hiện bằng cách cho các nhóm thực hiện công việc trên các nền tảng của google: tài liệu, trang tính, trang trình bày..., ghi nhận dấu thời gian về các nhận xét, chỉnh sửa của các thành viên. Khi báo cáo bài học, giảng viên chỉ định bất kỳ thành viên trong nhóm trình bày và căn cứ vào mức độ nắm vững kiến thức, trao đổi, xây dựng bài học (căn cứ vào dấu thời gian trong quá trình chuẩn bị bài học

và ngay tại buổi học) của từng thành viên sẽ có điểm cộng hoặc điểm trừ tương xứng. Cần cho các thành viên đánh giá chéo thông qua việc tạo các google biểu mẫu trước khi giảng viên đánh giá kết quả nhóm. Kết quả cuối cùng sẽ là do giảng viên quyết định căn cứ trên sự đánh giá của giảng viên và kết quả đánh giá chéo của các thành viên nhóm. Hoạt động này một mặt kích thích sự chủ động đóng góp của các thành viên nhóm, mặt khác xây dựng cho sinh viên nhận thức đúng đắn về trách nhiệm đối với tập thể, hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm và được đánh giá khách quan kết quả làm việc nhóm.

Kỹ năng tự học, tự đánh giá. Một số phương pháp dạy hiện tại đang rất hiệu quả và cần nhân rộng là “Lớp học đảo ngược”, giảng viên ghi hình bài giảng của mình và gửi cho sinh viên chủ động nghiên cứu trước, sau đó làm bài kiểm tra nhanh trước khi bắt đầu buổi học (kết quả bài kiểm tra có thể tính vào điểm chuyên cần cho sinh viên), sau đó là chuỗi các bài tập, bài thực hành để giúp sinh viên vận dụng các kiến thức vào làm bài tập, giờ trên lớp giảng viên sẽ đồng hành, giúp đỡ sinh viên. Phương pháp rất hiệu quả nữa đó là “Dạy học dự án”, giảng viên biến những giờ thực hành bằng những dự án, giúp sinh viên vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học và các kỹ năng mềm để hoàn thành. Bên cạnh đó, việc mở rộng kiến thức cho sinh viên bằng những câu hỏi khó đòi hỏi nghiên cứu sâu, sinh viên trả lời chính xác sẽ được điểm thưởng...việc này được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ tạo nên thói quen tốt cho sinh viên chủ động đọc bài trước ở nhà. Không chỉ giới hạn ở các văn bản pháp lý, giảng viên có thể khuyến khích sinh viên đọc thêm các sách chuyên ngành bằng cách giới thiệu, tạo liên kết, cung cấp file,...sau đó ở mỗi buổi học, giảng viên dành từ 5 đến 10 phút cho sinh viên trình bày nội dung cơ bản hoặc bình luận về sách hoặc cho sinh viên bình luận online trên các nền tảng được chia sẻ kín qua địa chỉ mail trong lớp học.

Ngoài ra, theo nhóm tác giả, thang đo Bloom 6 cấp độ nhận thức có thể được áp dụng để hướng dẫn sinh viên cách tự chủ động đánh giá kiến thức và kỹ năng mềm của mình, theo đó, 6 cấp độ được thể hiện như sau: 1. Ghi nhớ (Remembering) là khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học; 2. Hiểu (Understanding) là khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó; 3. Áp dụng (Applying) là khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó; 4. Phân tích (Analyzing) là khả năng

chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể; 5. Đánh giá (Evaluating) là dựa trên các tiêu chí, tiêu chuẩn thông qua việc kiểm tra và phê bình để đưa ra một phán quyết, nhận định về một vấn đề; 6. Sáng tạo (Creating) là khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới. Cách đánh giá theo thang đo này không chỉ có hiệu quả nâng cao nhận thức của sinh viên trong việc học tập, nghiên cứu, mà còn tạo cho sinh viên động lực tiên bộ về mặt tự duy để đánh giá hiệu quả thực hiện công việc.

3.2.2. Đối với chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm b

Đó là việc nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ. Ngày nay, việc học ngoại ngữ càng ngày càng trở nên quan trọng; đặc biệt, biết ngoại ngữ không chỉ giúp tiếp cận được nhiều nguồn tri thức trên thế giới trong quá trình học tập, nghiên cứu, mà còn mang đến nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên Luật khi ra trường, đặc biệt trong điều kiện mở rộng hội nhập quốc tế như hiện nay, ngày càng có nhiều quan hệ pháp luật liên quan đến người nước ngoài tại Việt Nam. Việc sinh viên biết và sử dụng thuần thục nhiều ngoại ngữ mang lại lợi thế trong cạnh tranh trong thị trường lao động hiện nay như: sự tự tin, thích nghi tốt trong nhiều môi trường lao động trong và ngoài nước...(Tuyen, 2024). Theo nhóm tác giả, các học phần về Thuật ngữ pháp lý - ngoại ngữ nên được đưa lên đào tạo ở những năm đầu, ngay khi sinh viên được tiếp cận với kiến thức chuyên môn về pháp luật để có đủ thời gian hiểu và tiếp xúc sâu hơn. Bên cạnh đó, giảng viên nên nhắc đi nhắc lại và lồng ghép khéo léo các thuật ngữ pháp lý bằng tiếng nước ngoài vào nội dung giảng dạy của từng môn học để sinh viên sử dụng một cách thuần thục các thuật ngữ. Ngoài ra, để kích thích sự tự tin của sinh viên trong giao tiếp bằng ngoại ngữ cần tuyên truyền và khuyến khích sinh viên tham gia các Câu lạc bộ ngoại ngữ ngoài đơn vị như: Câu lạc bộ tiếng Anh (do Hội sinh viên trường quản lý); tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn bằng ngoại ngữ,... “Không gian quốc tế” trong Khoa Luật cần được xây dựng. Khi tổ chức các cuộc thi về hùng biện, nên có nội dung cộng điểm và khuyến khích thuyết trình bằng ngoại ngữ. Hiện nay, có nhiều đơn vị tuyển dụng yêu cầu sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc tương đương bậc 2 hoặc 3 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trở lên theo Thông tư số

01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, vì vậy các sinh viên cần tìm hiểu về nhu cầu tuyển dụng để chuẩn bị sẵn chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về cả hồ sơ tuyển dụng và có thể sử dụng được ngoại ngữ trong công việc trước và ngay sau khi tốt nghiệp. Nhà trường và Khoa Luật có thể xem xét các biện pháp đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu ra cho sinh viên, cả về khả năng sử dụng ngôn ngữ chung và chuyên ngành để đảm bảo mức đạt theo chuẩn đối với những sinh viên chưa đạt các chứng chỉ. Việc tổ chức học và kiểm tra có thể thực hiện thường xuyên đến khi sinh viên đạt được trình độ cần thiết.

3.2.3. Đối với chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm c

Quy định về việc cấp giấy xác nhận trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đối với những học phần nằm trong CTĐT cần được bổ sung. Hiện nay, đối với các học phần Anh văn căn bản (3 học phần) nếu sinh viên hoàn thành xong chương trình học làm đơn yêu cầu thì Phòng Đào tạo sẽ xác nhận sinh viên đó hoàn thành các học phần Anh văn căn bản trong chương trình đào tạo trình độ đại học tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu) áp dụng từ khóa 45 đến nay. Tuy nhiên, đối với học phần tin học cơ bản thì chưa có quy định này. Ở một số Trường Đại học của Việt Nam, CTĐT được thiết kế xây dựng để sinh viên vừa có thể đạt chuẩn đầu ra và vừa cấp giấy chứng nhận hoặc giấy xác nhận để sinh viên có thể thuận lợi hơn trong việc ứng tuyển vào các vị trí việc làm. Việc lồng ghép vào nội dung học, ôn thi cấp chứng chỉ tại Trung tâm Điện tử và Tin học của Đại học Cần Thơ cần được thực hiện để sinh viên có thể vừa tiết kiệm được thời gian và kinh phí học tập mà còn cung cấp một bằng chứng cho thấy sinh đã được đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong CTĐT.

Xây dựng khung năng lực số cho sinh viên. Qua tham khảo các tiêu chí đánh giá và định hướng phát triển năng lực số cho sinh viên Sư phạm Việt Nam (Vu, 2024) cũng như vận dụng nội dung học phần Nhập môn năng lực thông tin hiện đang được đào tạo bởi Khoa Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn: <https://sim.ussh.vnu.edu.vn/vi/news/tin-hoat-dong/khung-nang-luc-so-danh-cho-sinh-vien-324.html>, nhóm tác giả đề xuất xây dựng khung năng lực số cho sinh viên 6 mức độ như sau:

Bảng 1. Xây dựng khung năng lực số sinh viên ngành Luật, Đại học Cần Thơ

Mức độ	Tên gọi	Các tuyên bố thông thạo
A1	Vận hành thiết bị và phần mềm	Nhận biết, lựa chọn và sử dụng và tích hợp các thiết bị phần cứng và ứng dụng phần mềm một cách đồng bộ để nhận diện, xử lý dữ liệu, thông tin số trong giải quyết vấn đề.
A2	Khai thác thông tin và dữ liệu	Bao gồm các kỹ năng của mức độ A1 và việc nhận diện được nhu cầu thông tin của cá nhân; triển khai các chiến lược tìm kiếm, định vị và truy cập được thông tin; đánh giá mức độ tin cậy của các nguồn tin và nội dung của chúng; lưu trữ, quản lý và tổ chức thông tin; sử dụng thông tin phù hợp với đạo đức và pháp luật.
B1	Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số	Bao gồm các kỹ năng của mức độ A1, A2 và tương tác và giao tiếp thông qua công nghệ số và thực hành vai trò công dân số. Quản lý định danh và uy tín số của bản thân trong môi trường số. Sử dụng công cụ và công nghệ số để hợp tác, cùng thiết kế, tạo lập các nguồn tin và tri thức.
B2	An toàn và an sinh số	Bao gồm các kỹ năng của mức độ A1, A2, B1 và bảo vệ các thiết bị, nội dung, dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số. Bảo vệ sức khỏe và tinh thần. Nhận thức về tác động của công nghệ số đối với hạnh phúc xã hội và hòa nhập xã hội. Nhận thức về ảnh hưởng của công nghệ số và việc sử dụng chúng đối với môi trường.
C1	Sáng tạo nội dung số	Bao gồm các kỹ năng của mức độ A1, A2, B1, B2 và tạo lập và biên tập nội dung số. Chuyển đổi, kết hợp thông tin và nội dung số vào vốn tri thức sẵn có. Hiểu rõ về hệ thống giấy phép và bản quyền liên quan đến quá trình sáng tạo nội dung số.
C2	Học tập và phát triển kỹ năng số	Bao gồm các kỹ năng của mức độ A1, A2, B1, B2, C1 và nhận diện được các cơ hội và thách thức trong môi trường học tập trực tuyến. Hiểu được nhu cầu và sở thích cá nhân với tư cách là người học tập trong môi trường số. Thúc đẩy truy cập mở và chia sẻ thông tin. Ý thức được tầm quan trọng của việc học tập suốt đời đối với sự phát triển cá nhân.

Theo đó, yêu cầu đối với sinh viên khi ra trường phải được xác định ở mức độ từ B1 trở lên.

3.2.4. Đối với chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm d

Ngoài việc khuyến khích sinh viên học học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, Khoa nên xây dựng hoạt động ngoại khóa về nghề nghiệp và khuyến khích sinh viên tham gia hàng năm. Khoa có thể mời các chuyên gia về tuyển dụng hoặc cựu sinh viên thành đạt về chia sẻ kinh nghiệm, tạo nguồn cảm hứng, từ đó có động lực hơn trong học tập và nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, sinh viên cần xác định được mục tiêu hướng đến vị trí việc làm nào trong tương lai ngay từ năm đầu tiên. Từ đó, sinh viên có thể lập kế hoạch dài hạn cho bản thân để đạt được mục tiêu đề ra. Ví dụ: Đối với mục tiêu về kỹ năng mềm, bản thân cần xác định được phải có những kỹ năng mềm gì? Kỹ năng đó phục vụ được cho bản thân và nghề nghiệp gì của mình trong tương lai? Từ đó cụ thể hóa ra hoạt động để thực hành và rèn luyện? Rèn luyện trong môi trường nào? khi nào? Các kỹ năng này nên được cập nhật hàng năm cho phù hợp với sự thay đổi của thực tiễn. Khi thực hiện kế hoạch

này, sinh viên vừa có được kỹ năng lập kế hoạch, vừa biết được mình cần phải trang bị những kỹ năng mềm gì phục vụ cho công việc trong tương lai.

4. KẾT LUẬN

Việc nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Luật cần được thực hiện để phục vụ cho mục đích học tập, nghiên cứu cũng như vận dụng vào môi trường làm việc trong tương lai là vấn đề cần được quan tâm hiện nay tại Khoa Luật, Đại học Cần Thơ. Trong đó, một số kỹ năng quan trọng như: kỹ năng giao tiếp, nói chuyện trước công chúng; kỹ năng hùng biện, tranh luận; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng tự học, tự đánh giá; kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, năng lực số trong sinh viên... cần được chú ý trong đào tạo. Việc tập trung phát triển toàn diện cho sinh viên về cả kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng mềm là một trong những hành động góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng nhu cầu xã hội, thể hiện cam kết và trách nhiệm giải trình của đơn vị. Đây cũng là một trong những minh chứng rõ ràng nhất nhằm khẳng định chất lượng đào tạo của Khoa trong tiến trình hội nhập quốc tế. Để thực hiện được điều này, cần có sự nhìn nhận nghiêm túc, tích cực từ nhiều

phía, đặc biệt là từ người dạy và người học. Nếu người học là người thực hành, rèn luyện các kỹ năng thì người dạy có vai trò hoạch định kế hoạch, phương pháp, khuyến khích, tạo điều kiện, đồng

hành cùng người học trong suốt quá trình đó. Do đó, để thực hiện được hiệu quả các giải pháp đề cần có sự chung tay, đoàn kết, nhất quán giữa giảng viên và sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Chang, J. H., & Huynh, P. (2016). *ASEAN in transformation: The future of jobs at risk of automation*. Bureau for Employers' Activities, Working Paper No. 9.
- Phan, H. T., & Nguyen, P. T. (2022). Improving professional skills for law students in the current period. *Vietnam Journal of Social Sciences*, 9(177), 80-87 (in Vietnamese).
- Vu, H. T. T. (2023). Solutions to improve soft skills for students of Foreign Trade University, Hanoi. *Journal of Educational Equipment*, 1, 77-79 (in Vietnamese).
- Vu, H. T. M. (2024). Evaluation criteria and orientation for digital capacity development for Vietnamese pedagogical students. *Journal of Education*, 24(4), 1-6 (in Vietnamese).
- Ngo, T. H. (2014). Developing communication skills for students majoring in Vietnamese Studies, College of Education, Danang University. *Journal of Science and Technology, Danang University*, 2(75), 31-33 (in Vietnamese).
- Tuyen, T. (2024). *Law students must balance between expertise and foreign languages*. <https://vietnamnet.vn/sinh-vien-luat-phai-can-bang-giua-chuyen-mon-va-ngoai-ngu-464365.html>